

Số: /TCBC-STP

Cần Thơ, ngày tháng 3 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 02 năm 2026

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 02 năm 2026, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 02 năm 2026, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 13 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Quyết định của Ủy ban nhân dân:

1. Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định số lượng, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5. Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

6. Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

7. Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 13 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 02 năm 2026 như sau:

1. Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ theo Điều 6 Thông tư số 113/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa, quy định:

“Điều 6. Nội dung chi từ nguồn ngân sách địa phương

Căn cứ nội dung chi quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định của địa phương (nếu có); khả năng kinh phí và hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa của địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Căn cứ quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Theo đó, sau sáp nhập 03 địa phương: Cần Thơ (cũ), Sóc Trăng và Hậu Giang thành thành phố Cần Thơ (mới) thì chỉ có Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về quy định các nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Nghị quyết này đến nay còn hiệu lực. Tuy nhiên, việc áp dụng chỉ là giải pháp tạm thời trong khi chờ Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết mới để áp dụng thống nhất cho chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên và thực tiễn sau nhập tỉnh/thành phố thì thành phố Cần Thơ (mới) có nhiều biến động lớn. Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc rà soát xây dựng Nghị quyết và bãi bỏ Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về quy định các nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

Phạm vi điều chỉnh: quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ do ngân sách nhà nước bảo đảm.

- Nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý (Điều 2)

+ Chi thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý, bao gồm:

Chi lập hồ sơ các vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa, các vật chướng ngại và theo dõi kết quả xử lý;

Chi khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo, công bố luồng đường thủy nội địa; tổ chức giao thông, kiểm tra bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; quản lý, lắp đặt, điều chỉnh báo hiệu đường thủy nội địa trên bờ, dưới nước; theo dõi thủy chí, thủy văn, đếm phương tiện;

Chi bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo nội dung, kế hoạch bảo trì hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

Chi sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất theo nội dung, kế hoạch bảo trì hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

Chi quan trắc (trừ quan trắc mực nước, theo dõi lưu lượng phương tiện vận tải đã được tính trong chi bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa), kiểm định chất lượng công trình thuộc kết cấu hạ

tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình đường thủy nội địa;

Chi thanh toán phần kinh phí chênh lệch (nếu có) cho doanh nghiệp trong trường hợp kinh phí bảo trì luồng đường thủy nội địa lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu đối với hình thức bảo trì nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Chi cho công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thường xuyên và chống va trôi;

Các khoản chi không thường xuyên khác thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, như phòng, chống thiên tai đường thủy nội địa; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; lập, điều chỉnh quy trình và định mức quản lý, khai thác, bảo trì đối với công trình được đầu tư bằng ngân sách nhà nước đã đưa vào khai thác, sử dụng; ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, theo quy định của pháp luật liên quan.

- Các nội dung chi khác theo quy định pháp luật giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan (như công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa ...) bố trí từ kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Nguồn kinh phí (Điều 3)
- Tổ chức thực hiện (Điều 4)
- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

2. Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19/NQ-TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến

năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Theo đó, tại khoản 5 Mục IV quy định: “Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tại khoản 3 mục III quy định: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2025/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP. Theo đó, tại khoản 3 Điều 9 quy định: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị Quyết số 262/NQ-TT, ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn

Thành phố Cần Thơ có diện tích trồng các loại cây trồng, vật nuôi như sau: Cây lúa 718.461 ha, Cây ăn trái 102.194 ha (bao gồm: bưởi, cam, quýt, chanh, xoài, nhãn, sầu riêng, vú sữa, mít, ổi, măng cầu,...); cây dừa 12.479 ha, chủ yếu các giống dừa ta, dừa xiêm, dừa dâu; diện tích gieo trồng màu lương thực, thực phẩm 96.273 ha; tổng đàn chăn nuôi gia súc, gia cầm: đàn trâu 4.112 con, đàn bò 62.845 con, đàn heo 491.343 con, đàn dê 19.940 con, đàn gia cầm 15.966.444 con, Chim yến 1.175 cơ sở/1.219 nhà yến.

Với nền sản xuất nông nghiệp đa dạng, phong phú theo đặc điểm của từng vùng khác nhau nêu trên; hàng năm thường xảy ra thiên tai như mưa lớn, bão, triều cường gây ngập úng, đồ ngã và hạn mặn thiếu nước sản xuất gây ảnh hưởng đến cây trồng vật nuôi, ngoài ra cũng xảy ra dịch hại thực vật khi sâu bệnh bộc phát ngoài tầm kiểm soát trên địa bàn thành phố.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành “Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ” là thật sự cần thiết, nhằm hỗ trợ kịp thời cho Nhân dân khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

- Mục đích ban hành:

Nhằm hỗ trợ kịp thời cho cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị có hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật kịp thời khôi phục lại sản xuất như: Cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản cũng như vật tư đầu vào giúp các tổ chức, cá nhân khắc phục hậu quả, tái thiết sản xuất và ổn định cuộc sống. Ngoài ra, góp phần ổn định kinh tế - xã hội phục hồi sản xuất nông nghiệp sau thiên tai, giảm thiểu tối đa thiệt hại kinh tế cho người dân và duy trì sự ổn định của ngành nông nghiệp, vốn được coi là trụ đỡ của nền kinh tế Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 9/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Đối tượng áp dụng: cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Đối tượng hỗ trợ (Điều 2)

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mức hỗ trợ (Điều 3)

Đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố được hỗ trợ như sau:

+ Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

Diện tích lúa:

Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng trên 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

Diện tích mạ:

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

Diện tích cây hằng năm khác:

Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

Diện tích cây trồng lâu năm:

Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ

trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

+ Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

Diện tích vườn giống, rừng giống: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

+ Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)

Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hàm):

Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè:

Hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi bị thiệt hại.

Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác:

Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

+ Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 23.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 38.000 đồng/con.

Chim cút đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 4.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 8.000 đồng/con.

Heo đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 550.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.060.000 đồng/con; heo nái và heo đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 8.050.000 đồng/con.

Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 2.250.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 5.050.000 đồng/con.

Hươu sao, cừu, dê, đà điểu, hỗ trợ 1.750.000 đồng/con.

Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 40.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 60.000 đồng/con.

Ong mật (đàn), hỗ trợ 400.000 đồng/đàn.

+ Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)

Diện tích sản xuất muối: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

- Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (Điều 4)

Doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố: Mức hỗ trợ bằng 1,0 (một) lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 5)

- Tổ chức thực hiện (Điều 6)

- Hiệu lực thi hành (Điều 7).

3. Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Theo đó, tại Khoản 1, Điều 6 quy định: “*Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này và khả năng nguồn ngân sách của địa phương: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành*”.

Đồng thời, tại điểm b Khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số

87/2025/QH15) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ các văn bản pháp quy thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố về việc rà soát, tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Qua rà soát hiện nay, thành phố Cần Thơ đang thực hiện mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố theo các văn bản quy phạm pháp luật sau:

Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (cũ). Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau: “Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức chi thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.”.

Do mức chi hỗ trợ theo 03 văn bản quy phạm pháp luật được nêu trên chưa đồng nhất theo từng địa bàn trước sáp nhập nên việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết quy định mức chi hỗ

trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ để thay thế 03 văn bản quy phạm pháp luật được nêu trên nhằm sớm đảm bảo đồng nhất mức hỗ trợ là cần thiết.

Mặt khác, thực hiện "Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" là nhu cầu thực tế và thiết yếu của đất nước về phát triển kinh tế - xã hội. Cuộc vận động hướng mạnh về cơ sở, giúp đông đảo người dân tham gia và hoạt động này đã được Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực triển khai, duy trì và phát triển.

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) tại các Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Vì vậy, việc tiếp tục hỗ trợ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập) là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quy định thống nhất mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước theo phân cấp.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

- Mức chi hỗ trợ (Điều 2)

+ Chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

Kinh phí đảm bảo thực hiện Cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là 30.000.000 đồng/năm/xã.

Đối với các xã thuộc vùng khó khăn; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành là 35.000.000 đồng/năm/xã.

+ Chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư:

Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân là 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

Khu dân cư có quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư so với định mức quy định tại điểm a khoản này.

Đối với các khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành: Ngoài mức hỗ trợ theo quy định thì được bố trí thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

- Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

4. Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 và Thông tư số 64/2024/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-

BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn 03 địa phương. Theo đó, các Quyết định này được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ trên địa bàn thành phố trong thời gian qua.

Tuy nhiên, ngày 28/8/2024 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công. Theo đó, tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC) quy định “1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 64/2024/TT-BTC quy định “2. Đối với nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi hoạt động khuyến công địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2024 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.”.

Tại khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

+ Cơ sở thực tiễn

Hoạt động khuyến công trong thời gian qua đã thực hiện tốt chức năng cầu nối, tiếp sức cho cơ sở công nghiệp nông thôn, kích thích tinh thần chủ động, mạnh dạn sản xuất, kinh doanh. Hoạt động khuyến công là chính sách hỗ trợ để tiếp cận và đạt hiệu quả cao góp phần gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của địa phương.

Thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2024 đã hỗ trợ cho 111 cơ sở, doanh nghiệp và hợp tác xã (đơn vị thụ hưởng) đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến phục vụ trong sản xuất, với tổng kinh phí thực hiện là 28.886.426.000 đồng. Trong đó, nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ là

14.220.000.000 đồng; nguồn kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ là 14.666.426.000 đồng. Bên cạnh đó, đã tổ chức nhiều cuộc hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các trung tâm thương mại, siêu thị của các tỉnh, thành trong cả nước; tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm của tỉnh trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định đó là nguồn kinh phí khuyến công còn ít, chủ yếu hỗ trợ mang tính chất khuyến khích, làm vốn môi để tạo động lực cho đơn vị thụ hưởng đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến; Quy mô sản xuất của các cơ sở đa phần nhỏ lẻ; Sản phẩm làm ra thiếu sức cạnh tranh; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng dây chuyền sản xuất; tạo dựng hình ảnh, thương hiệu sản phẩm, hàng hóa ít quan tâm chú trọng; một số cơ sở không huy động được nguồn kinh phí đối ứng, dẫn đến một số đề án được duyệt nhưng không thể triển khai thực hiện. Từ những kết quả và hạn chế đã nêu, Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC) quy định “1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương” trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả áp dụng triển khai thực hiện, một phần do chuẩn bị công tác sáp nhập 03 địa phương để thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Vì vậy, UBND thành phố Cần đã Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm đảm bảo đúng theo quy định, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND nêu trên. Do đó, Dự thảo Nghị quyết được thông qua thì đơn vị thụ hưởng được hỗ trợ trực tiếp là yếu tố quan trọng, tạo động lực cho đơn vị thụ hưởng mạnh dạn đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến phục vụ trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Từ đó, sẽ thúc đẩy phát triển công nghiệp, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Từ cơ sở nêu trên, căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế, để đảm bảo thực hiện mức chi cho các hoạt động khuyến công được đúng quy định của pháp luật, đồng bộ, thống nhất, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

- Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ làm cơ sở cho công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách Nhà nước đảm bảo theo các văn bản quy định hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã thuộc thành phố Cần Thơ; các làng nghề được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ công nhận (*sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

- Mức chi cho các hoạt động khuyến công (Điều 2)

+ Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

+ Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động; đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 (bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giáo viên dạy nghề).

+ Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước, ngoài nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp, sản xuất và tiêu dùng bền vững; đào tạo khởi sự doanh nghiệp; thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

+ Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ; chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

+ Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu; hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm tại Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng, cơ sở công nghiệp nông thôn và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

+ Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong lĩnh vực: lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

+ Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp; tư vấn, lãi suất vốn vay; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn, khu, cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

+ Chi quản lý chương trình đề án khuyến công.

+ Chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công: mức chi không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất

sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

- Tổ chức thực hiện (Điều 3)
- Hiệu lực thi hành (Điều 4).

5. Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định: “Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của vị trí việc làm đối với giáo viên, cán bộ quản lý; là căn cứ để quản lý, chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, cán bộ quản lý; nâng cao mức độ đáp ứng của giáo viên, cán bộ quản lý theo yêu cầu vị trí việc làm; đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp”;

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông, quy định: “Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, địa phương, các cơ sở giáo dục lập dự toán chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục; căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”.

+ Cơ sở thực tiễn

Thực hiện mục tiêu chung tại Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thành phố Cần Thơ đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu chung như sau: “Đào tạo đạt chuẩn, nâng chuẩn, bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp phát triển giáo dục của thành phố. Bồi dưỡng giáo viên dạy môn tích hợp theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018”; mục tiêu cụ thể đến năm 2030: “100% giáo viên (tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) được bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo quy định”;

Hiện nay, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng. Theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết nêu trên, Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông được lựa chọn tiếp tục áp dụng;

Thời gian qua, việc ban hành Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND góp phần triển khai hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tập huấn để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông cho 3.275 lượt giáo viên, cán bộ quản lý. Kinh phí và các chế độ liên quan đến báo cáo viên do Nhà Xuất bản chi trả nên Sở Giáo dục và Đào tạo không áp dụng các mức chi tập huấn, bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND;

Như vậy, để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn

theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội và nguồn lực ngân sách thành phố, đúng theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, giáo viên và cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mức chi tập huấn, bồi dưỡng (Điều 2)

+ Mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông, cụ thể:

Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng; chi phí thanh toán tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

+ Mức chi đối với các nội dung khác về tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

- Kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

6. Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định số lượng, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ vào khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nhiệm vụ cộng tác viên dân số, quy định:

“Điều 4. Quyền lợi của cộng tác viên dân số

...

2. Mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định.

“Điều 8. Tổ chức thực hiện

...

2. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số theo quy định.”

Căn cứ điểm a, khoản 2, phần I, điểm a, khoản 2, phần III Điều 1, điểm a, khoản 7, Điều 2 Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, Quyết định:

“Điều 1. Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. Mục tiêu

...

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.”

...

III. Nhiệm vụ, giải pháp

...

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các bộ, ngành, địa phương; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.”

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền kế hoạch, đề án, dự án thực hiện Chương trình; các chính sách hỗ trợ. Chủ động cân đối, phân bổ các nguồn lực bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

Quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (trước sáp nhập): Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được áp dụng cho cả 3 khu vực (Chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ấp, khu vực với hệ số 0,2 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp y tế); Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Chi hỗ trợ phục vụ cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dân số, thông tin liên lạc, tuyên truyền trên mạng xã hội. Mức chi: 90.000 đồng/cộng tác viên/tháng).

+ Cơ sở thực tiễn

Sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố đã đề xuất trình Hội đồng nhân dân thành phố lựa chọn các Nghị quyết để tiếp tục áp dụng, các Nghị quyết đề xuất bãi bỏ theo quy định.

Kể từ khi Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình

hình mới” được ban hành, công tác dân số đã chuyển trọng tâm từ “dân số - kế hoạch hóa gia đình” sang “dân số và phát triển”, hướng tới giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Ngành dân số tập trung duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

Để thực hiện nhiệm vụ trên thì yếu tố quyết định chính, lực lượng cộng tác viên dân số là “cánh tay nối dài” của ngành dân số, giữ vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số, gia đình và trẻ em. Theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn nhiệm vụ cộng tác viên dân số, cộng tác viên dân số được giao nhiều nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi trình độ và trách nhiệm cao. Bên cạnh đó, họ còn tham gia thực hiện công tác trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em 2016, Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em và theo Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển, mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 cũng yêu cầu triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Bên cạnh đó, sau khi Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 hết hiệu lực, để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin về DS-KHHGD, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang: “Chi hỗ trợ cộng tác viên cập nhật thông tin về DS-KHHGD của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGD: 2.500 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của hộ gia đình mới”. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 về việc phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, để thực hiện mục tiêu “cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030” trong cập nhật, quản lý di biến động dân cư, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang: “Chi hỗ trợ phục vụ cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dân số, thông tin liên lạc, tuyên truyền trên mạng xã hội. Mức chi: 90.000 đồng/cộng tác viên/tháng” (*Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2 mục III khoản 2 Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*).

Theo đó, từ tháng 01/2024, 100% xã, phường, thị trấn của tỉnh Hậu Giang đã đồng loạt triển khai thực hiện chuyển đổi số trong cập nhật, quản lý di biến

động dân cư thông qua App dân số và Web quản lý dân số cấp tỉnh, huyện, xã. Qua đó, dữ liệu dân số đã được cập nhật kịp thời, chính xác, liên thông dữ liệu từ cơ sở đến tuyến tỉnh. Tuy nhiên, tại tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ cũ hiện cộng tác viên vẫn còn cập nhật thông tin bằng phiếu thu tin và sổ A0, sau đó nộp cho viên chức dân số xã nhập vào kho dữ liệu và định kỳ 5 năm phải thực hiện đổi sổ một lần, với quy trình này gây mất rất nhiều thời gian và chi phí (*ước tính chi phí in phiếu thu tin và đổi sổ A0 5 năm một lần cho 2 khu vực khoảng hơn 5 tỷ đồng*). Với hiệu quả mang lại từ chuyển đổi sổ trong quản lý, cập nhật di biến động dân cư, ngành dân số thành phố Cần Thơ hiện đang xin chủ trương tiếp tục triển khai đến 100% xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đáp ứng tốt theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2259/QĐ-TTg.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên và thực tiễn sau nhập tỉnh/thành phố thì thành phố Cần Thơ (mới) có nhiều biến động lớn. Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc rà soát xây dựng Nghị quyết quy định chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số và trẻ em trên địa bàn thành phố Cần Thơ nêu trên là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định số lượng, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 09 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định về số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

- + Cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- + Cá nhân có nhu cầu đăng ký xét chọn làm cộng tác viên dân số.
- + Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét chọn, ký kết hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số.

- Quy định số lượng cộng tác viên dân số (Điều 3)

- + Đối với ấp, khu vực (sau đây gọi chung là ấp) có từ 175 hộ gia đình trở xuống được bố trí 01 cộng tác viên dân số.
- + Đối với ấp có trên 175 hộ gia đình đến 350 hộ gia đình thì bố trí không quá 02 cộng tác viên dân số.
- + Đối với ấp có trên 350 hộ gia đình đến 525 hộ gia đình thì bố trí không quá 03 cộng tác viên dân số.
- + Đối với ấp có trên 525 hộ gia đình thì cứ thêm đủ 175 hộ gia đình sẽ bổ sung 01 cộng tác viên dân số.

- Nguyên tắc xét chọn và ưu tiên trong xét chọn cộng tác viên dân số (Điều 4)

+ Nguyên tắc xét chọn: Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và đúng theo quy trình tại Quyết định này; Việc xét chọn cộng tác viên dân số phải bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT.

+ Ưu tiên trong xét chọn

Ưu tiên xét chọn những người đã làm cộng tác viên dân số tại ấp có đủ tiêu chuẩn theo quy định để bảo đảm ổn định mạng lưới cộng tác viên dân số; ưu tiên cho người có nhiều thời gian làm cộng tác viên dân số hơn;

Ưu tiên những người đang làm nhân viên y tế ấp tham gia kiêm nhiệm cộng tác viên dân số;

Trường hợp nhiều người cùng đáp ứng các tiêu chí xét chọn bằng nhau thì Trạm Y tế xã, phường (gọi chung là Trạm Y tế xã) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định.

- Quy trình xét chọn cộng tác viên dân số (Điều 5)

+ Căn cứ nhu cầu số lượng cộng tác viên dân số cần xét chọn, Trạm Y tế xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thông báo xét chọn với các hình thức: Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Trạm Y tế xã; trụ sở Nhà thông tin ấp; đồng thời, thông báo trên Hệ thống truyền thanh của xã, phường. Cá nhân có nguyện vọng làm cộng tác viên dân số đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT đến đăng ký tại Trạm Y tế xã.

+ Trạm Y tế xã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cuộc họp thảo luận, thống nhất xét chọn và lập danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm cộng tác viên dân số, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định công nhận cộng tác viên dân số, đồng thời gửi bằng văn bản đến người được xét chọn và niêm yết danh sách cộng tác viên dân số tại Trạm Y tế xã, đăng tải trên Cổng thông tin của đơn vị, địa phương hoặc thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh của xã, phường;

Báo cáo kết quả về Sở Y tế (thông qua Chi Cục Dân số - Xã hội) để theo dõi số lượng, biến động cộng tác viên dân số.

- Hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số (Điều 6)

+ Ủy ban nhân dân xã ký hợp đồng trách nhiệm với cộng tác viên dân số theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT, theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định pháp luật khác có liên

quan. Cộng tác viên dân số khi ký hợp đồng trách nhiệm được hưởng chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số và các khoản chi khác theo quy định.

+ Trường hợp hết thời hạn thông báo mà cộng tác viên dân số được xét chọn không đến nhận việc và ký hợp đồng trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ Quyết định công nhận cộng tác viên dân số đã được xét chọn; đồng thời ra thông báo và tiếp tục tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm cộng tác viên dân số theo quy định.

- Trách nhiệm thi hành (Điều 7)

- Hiệu lực thi hành (Điều 8)

- Tổ chức thực hiện (Điều 9).

7. Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ...; quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy”.

Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định “a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

+ Cơ sở thực tiễn

Trong 5 năm qua (từ đầu năm 2021 đến ngày 15 tháng 10 năm 2025), Công an thành phố (bao gồm Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng cũ) đã tham gia xử lý 105 vụ cháy, nổ (có 8 người chết, 6 người bị thương, tài sản thiệt hại ước tính trên 69 tỷ đồng), trong đó có 80 vụ cháy, nổ xảy ra tại khu vực đô thị, chiếm 76,2% số vụ cháy, nổ toàn thành phố. Mặc dù lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã nỗ lực để giải quyết hiệu quả, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản, tuy nhiên hạ tầng giao thông và nguồn nước phục vụ chữa cháy ở khu vực đô thị chưa bảo đảm là một trong những

nguyên nhân chính làm hạn chế công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thời gian xe chữa cháy di chuyển trong các khu vực đô thị từ đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến đám cháy và tiếp cận, khai thác được nguồn nước phục vụ chữa cháy (trụ nước, bể chứa, sông, kênh, rạch...) trung bình từ 10 phút đến 30 phút cho quãng đường dưới 5 km trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 21 giờ. Nhiều khu dân cư, tuyến đường, hẻm nhỏ, hẹp, không bảo đảm cho xe chữa cháy tiếp cận khi có sự cố xảy ra, một số khu vực chưa được đầu tư nguồn nước phục vụ chữa cháy (trụ nước, bể chứa, hồ thu nước...) hoặc có đầu tư nhưng trữ lượng, áp lực nước không đáp ứng yêu cầu công tác chữa cháy tại chỗ và triển khai lực lượng, phương tiện khi có tình huống khẩn cấp; sông, kênh, rạch, ao, hồ rất nhiều nhưng thiếu bến lấy nước dành cho xe chữa cháy tiếp cận để hút nước. Công an thành phố đã khảo sát, thu thập dữ liệu nguồn nước phục vụ chữa cháy được 5.048 nguồn (trong đó, có 3.283 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 438 bể chứa và 1.327 nguồn nước tự nhiên); khảo sát tại 12 phường: Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, An Bình, Cái Răng, Thốt Nốt, Vị Tân, Vị Thanh, Ngã Năm, Phú Lợi, Sóc Trăng, Vĩnh Châu, có trên 200 hẻm nhỏ, sâu, xe chữa cháy không vào được, thiếu nguồn nước phục vụ chữa cháy. Bên cạnh đó, yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đòi hỏi phải có văn bản quy phạm pháp luật quy định phù hợp với đặc thù của địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quyết định quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy.

Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp quản lý, đầu tư, cải tạo, chỉnh trang hạ tầng giao thông và nguồn nước phục vụ chữa cháy theo đúng quy định pháp luật.

Phục vụ công tác quy hoạch, đầu tư phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm đồng bộ giữa hạ tầng giao thông, cấp nước và yêu cầu an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, sẵn sàng chữa cháy tại chỗ, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra, góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước.

Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm người dân, chủ cơ sở trong việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, đặc biệt là tại các khu vực còn hạn chế về hạ tầng.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 08 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định chi tiết điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Những nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nguyên tắc thực hiện (Điều 3)

Việc cải tạo, chỉnh trang phải bảo đảm cải thiện hệ thống hạ tầng giao thông, nguồn nước đáp ứng yêu cầu phục vụ chữa cháy.

Không áp dụng đối với các khu vực đô thị được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng.

- Giải thích từ ngữ (Điều 4)

- Quy định về cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy (Điều 5)

+ Đối với đường đô thị, hẻm, khi cải tạo, chỉnh trang phải bảo đảm các quy định sau:

Chiều rộng thông thủy mặt đường không nhỏ hơn 3,5 m. Trường hợp mặt đường nhỏ hẹp chỉ đủ cho 1 làn xe chạy mà không thể mở rộng thì bố trí đoạn mở rộng bảo đảm theo quy định tại điểm 6.5 QCVN 06:2022/BXD.

Chiều cao thông thủy của đường không nhỏ hơn 4,5 m, đồng thời các kết cấu chặn phía trên đường tuân thủ đầy đủ các quy định tại điểm 6.2.1.3 QCVN

06:2022/BXD.Cầu, mặt đường, bãi đỗ xe, bãi quay xe chịu tải không nhỏ hơn 10 tấn.

Bố trí bãi quay xe ở cuối đoạn cắt đối với đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy dạng cắt có chiều dài lớn hơn 46 m.

Có vạch kẻ hoặc biển báo cấm đỗ xe tại các vị trí bố trí nguồn nước phục vụ chữa cháy.

Đường dây dẫn điện trên không và cáp viễn thông treo (bao gồm cáp truyền hình) chỉ được bố trí vượt ngang đường trong trường hợp cần thiết; ưu tiên thực hiện ngầm hóa. Trường hợp phải vượt qua, việc bố trí phải tuân thủ quy chuẩn chuyên ngành tương ứng về tĩnh không, khoảng cách an toàn và yêu cầu báo hiệu, đồng thời bảo đảm an toàn giao thông đô thị theo quy định hiện hành.

+ Đối với nguồn nước phục vụ chữa cháy, khi cải tạo, chỉnh trang phải bảo đảm các quy định sau:

Bố trí nguồn nước phục vụ chữa cháy có bán kính phục vụ không lớn hơn 400 m nếu xe chữa cháy tiếp cận được nguồn nước hoặc 300 m nếu máy bơm chữa cháy di động tiếp cận được nguồn nước. Có thể tăng bán kính phục vụ bằng cách lắp đặt các đường ống cắt có chiều dài không lớn hơn 200 m từ nguồn nước phục vụ chữa cháy đến các hố thu nước.

Nguồn nước phục vụ chữa cháy phải bảo đảm: có bến, bãi đỗ chịu tải không nhỏ hơn 5 tấn; chiều cao tính từ mực nước thấp nhất đến mặt phẳng ngang (đỗ xe chữa cháy hoặc máy bơm chữa cháy di động) không lớn hơn 4 m và chiều cao tính từ mực nước thấp nhất đến mực nước cao nhất không nhỏ hơn 0,7 m; có phương án nạo vét thường xuyên.

Đường kính của đường ống cấp nước đô thị không nhỏ hơn 100 mm. Trên mạng đường ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường đô thị phải bố trí các trụ cấp nước chữa cháy bảo đảm: khoảng cách giữa các trụ không lớn hơn 400 m; khoảng cách giữa họng nước của trụ và tường các ngôi nhà không nhỏ hơn 1 m; khoảng cách giữa họng của trụ và mép đường (trụ bố trí trên vỉa hè) không lớn hơn 2,5 m; sửa chữa hoặc thay thế các trụ bị hư hỏng, mất tác dụng.

+ Đối với những hẻm mà chưa thể cải tạo, chỉnh trang bảo đảm theo khoản 1 Điều này thì tại đầu hẻm và trong hẻm phải bố trí trụ cấp nước chữa cháy hoặc bể chứa nước, hố thu nước, bến, bãi đỗ xe bảo đảm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

- Trách nhiệm thi hành (Điều 6)
- Hiệu lực thi hành (Điều 7)
- Tổ chức thực hiện (Điều 8).

8. Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Chương trình số 57-CTr/TU ngày 03/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và phù hợp tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngày 27/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, trong đó giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương (khoản 6 Điều 35); quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị (khoản 4 Điều 44); quy định hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị (khoản 5 Điều 44); quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương (khoản 2 Điều 47); quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương (khoản 2 Điều 48).

Để đảm bảo triển khai việc xây dựng văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp lần thứ 7, ngày 11/11/2024, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 2514/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp lần thứ 7, theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố giao Công an thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quyết định quy định việc thực hiện một số điều của Luật số 36/2024/QH15.

+ Cơ sở thực tiễn

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là một nhiệm vụ quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tác động trực tiếp đến kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố Cần Thơ, đặc biệt là việc sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần

Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó thành phố Cần Thơ (mới) có thay đổi lớn về diện tích, quy mô dân số và tình hình kinh tế - xã hội, dự báo tình hình trật tự, an toàn giao thông sẽ ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Vì vậy, để triển khai hiệu quả Luật số 36/2024/QH15, phải cụ thể hóa các quy định của Luật số 36/2024/QH15 theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại khoản 6 Điều 35; khoản 4, khoản 5 Điều 44; khoản 2 Điều 47; khoản 2 Điều 48 Luật số 36/2024/QH15 nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn về giao thông của thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng đã ban hành 08 Quyết định quy định chi tiết các điều, khoản nêu trên của Luật số 36/2024/QH15, tuy nhiên đến ngày 22/8/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (sau sắp xếp đơn vị hành chính) đã ban hành Quyết định số 933/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính, trong đó đã bãi bỏ 08 Quyết định nêu trên.

Ngoài ra, theo báo cáo của Sở Xây dựng thành phố tại Công văn số 296/SXD-QLVT ngày 13/01/2026 hiện tại trên địa bàn thành phố có tổng cộng 122 xe buýt, tất cả các phương tiện chưa có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật. Do đó, cần phải có quy định về tỷ lệ phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

Vì vậy, xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Quyết định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ để đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sắp xếp đơn vị hành chính) là thật sự cần thiết.

- Mục đích ban hành

Hoàn thiện cơ sở pháp lý về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bảo đảm hoạt động vận tải đường bộ, an toàn về tính mạng, sức khỏe cho người tham gia giao thông, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, ngoài ra còn hỗ trợ, giúp đỡ các điều kiện tiếp cận của người khuyết tật khi sử dụng phương tiện công cộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm gồm 09 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 6 Điều 35; khoản 4, khoản 5 Điều 44; khoản 2 Điều 47; khoản 2 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp: xe Quân sự, Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xe làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chở người bị nạn đi cấp cứu, đưa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

+ Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ (Điều 2)

+ Nguyên tắc hoạt động

Hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trong quá trình tham gia giao thông, chủ phương tiện, người điều khiển xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về người điều khiển phương tiện theo Điều 56 và khoản 3 Điều 57 Luật số 36/2024/QH15.

+ Phạm vi hoạt động

Xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn thành phố (trừ đường cao tốc, các tuyến đường, đoạn đường cấm hoặc hạn chế lưu thông thực hiện theo quy định pháp luật về giao thông); đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tổ chức hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Trường hợp xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại thì thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nhựa; tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời (Điều 3)

+ Đối với các tuyến đường trong khu vực đô thị (trừ các tuyến đường, đoạn đường cấm hoặc hạn chế lưu thông thực hiện theo quy định pháp luật về giao thông): xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời được phép hoạt động từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, trừ trường hợp được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

+ Đối với các tuyến đường ngoài khu vực đô thị: không giới hạn thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời.

- Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ (%) phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị (Điều 4)

+ Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

Các hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân theo quy định tại Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

+ Tỷ lệ (%) phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo lộ trình như sau:

Từ năm 2026 đến hết năm 2030, bảo đảm có ít nhất 20% phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt.

Sau năm 2030, bảo đảm có ít nhất 30% phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt.

- Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa (Điều 5)

+ Kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ là hoạt động do tổ chức, cá nhân sử dụng để cung cấp dịch vụ vận chuyển người, hàng hóa trên đường bộ có thu tiền hoặc nhằm mục đích sinh lợi.

+ Nguyên tắc chung

Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ và các loại xe tương tự phải tuân thủ quy định của

pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

+ Quy định về người điều khiển phương tiện

Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy tham gia hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 56 Luật số 36/2024/QH15.

Người điều khiển xe thô sơ tham gia hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy tắc giao thông đường bộ.

+ Quy định về phương tiện vận chuyển

Việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để vận chuyển hành khách, hàng hóa phải thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật số 36/2024/QH15.

Xe thô sơ khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Thời gian, phạm vi hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (Điều 6)

+ Nguyên tắc chung

Hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trong quá trình tham gia giao thông, chủ phương tiện, người điều khiển xe bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ phải chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về người điều khiển phương tiện theo Điều 56 Luật số 36/2024/QH15.

+ Thời gian hoạt động

Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép hoạt động 24/24 giờ hàng ngày.

+ Phạm vi hoạt động

Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách được phép hoạt động trên các tuyến giao thông đường bộ tại các khu đô thị, khu du lịch trên địa bàn thành phố (trừ tuyến đường, đoạn đường cấm hoặc hạn chế lưu thông thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông).

Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa được phép hoạt động trên các tuyến giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố (trừ tuyến đường, đoạn đường cấm hoặc hạn chế lưu thông thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông).

- Trách nhiệm thi hành (Điều 7)
- Hiệu lực thi hành (Điều 8)
- Tổ chức thực hiện (Điều 9).

9. Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng với yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này*”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, UBND thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 2 ha sang mục đích khác; UBND tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã họp thống nhất và ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; với nội dung: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², quy mô dân số là 4.199.824 người”.

Tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi

đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Do đó, việc ban hành Quyết định Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập) là cần thiết và có cơ sở pháp lý, nhằm thể chế hóa kịp thời những quy định của Luật Đất đai năm 2024, đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mục đích ban hành:

Nhằm quy định tiêu chí, điều kiện khi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng với yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục hành chính về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác (Điều 3)

Việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác ngoài đáp ứng các tiêu chí, điều kiện chung theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và trồng trọt phải đảm bảo về tiêu chí, điều kiện sau:

+ Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa sang mục đích khác:

Có phương án sử dụng tầng đất mặt được lập theo quy định của pháp luật về trồng trọt;

Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác:

Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Hiệu lực thi hành (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5).

10. Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Thủy lợi; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-

BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 26 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; khoản 4 Điều 5 Thông tư 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương.*”

... Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng;”

Tuy nhiên, các căn cứ ban hành để xây dựng Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về phân cấp, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã hết hiệu lực, cụ thể: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đã hết hiệu lực.

Hiện nay, thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết

về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi. Do đó, nội dung của Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về phân cấp, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã không còn phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

+ Cơ sở thực tiễn

Về địa giới hành chính:

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”.

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Khó khăn trong quản lý nhà nước chuyên ngành:

Thực hiện quản lý theo chính quyền 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), hiện nay cơ quan chuyên môn cấp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã đang lúng túng trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai. Các quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trước đây phân định thẩm quyền cấp tỉnh, thẩm quyền cấp huyện và thẩm quyền cấp xã. Hiện nay, với việc bỏ cấp huyện và sáp nhập xã và tỉnh thì việc xác định phân cấp lại công trình thủy lợi cấp thành phố và cấp xã rất cấp bách để phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai, sạt lở và ổn định đời sống người dân.

Nhiệm vụ cấp bách Ủy ban nhân dân thành phố giao:

Căn cứ Thông báo số 53/TB-VPUB ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trần Chí Hùng tại buổi làm việc nghe báo cáo tiến độ thực hiện công tác lập Đề án thành lập tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trong đó tại điểm a Khoản 1 giao Sở Nông nghiệp và Môi trường sớm hoàn thiện việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố. Trên cơ sở đó, cập nhật và bổ sung hoàn thiện Đề án thành lập tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Như vậy, thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới) và quy định hướng dẫn về chính quyền 02 cấp. Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi theo chính quyền 02 cấp nhằm đảm bảo công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

- Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1):

* Quy định chung

* Phân cấp quản lý công trình thủy lợi:

- Phân cấp công trình thủy lợi

- Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

+ Công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý

Kênh tạo nguồn, kênh trục chính; kênh cấp 1; kênh cấp 2; kênh cấp 3 liên xã; các kênh liên tỉnh và các kênh ranh tỉnh, xã:

Kênh lớn với số lượng 133 kênh, chiều dài 2.067 km;

Kênh vừa với số lượng 1.043 kênh, chiều dài 3.842 km.

(Đính kèm Phụ lục I)

Đê bao, bờ bao cấp 1, cấp 2:

Đê bao, bờ bao thủy lợi lớn với số lượng 09 đê bao, bờ bao với chiều dài 365 km;

Đê bao, bờ bao thủy lợi vừa với số lượng 09 đê bao, bờ bao với chiều dài 220 km.

(Đính kèm Phụ lục II)

Công cấp 1, công cấp 2 và các công dưới tuyến đê bao, bờ bao cấp 1, cấp 2:

Công lớn với số lượng 01 công;

Công vừa với số lượng 344 công.

(Đính kèm Phụ lục III)

Các trạm bơm cấp 1, trạm bơm cấp 2:

Trạm bơm vừa với số lượng 58 trạm bơm.

(Đính kèm Phụ lục IV)

Hồ chứa nước ngọt:

Hồ chứa nước ngọt vừa với số lượng 01 hồ chứa.

(Đính kèm Phụ lục V)

+ Công trình thủy lợi phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý

Trừ các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, các công trình thủy lợi còn lại trên địa bàn xã, phường thì do Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý.

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

11. Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực năm 2024.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 51 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

+ Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng

Việc ban hành Quyết định phù hợp với Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện tại địa phương là hết sức cần thiết nhằm phòng ngừa tai nạn điện, bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân, đồng thời đảm bảo an toàn cho hệ thống điện quốc gia. Cụ thể, các lý do và cơ sở như sau:

Cơ sở pháp lý: Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sử dụng điện an toàn. Tuy nhiên, thực tiễn tại địa phương phát sinh nhiều tình huống và vấn đề cần có khung pháp lý chi tiết hơn, quy định rõ trách nhiệm của cả đơn vị cung cấp điện và người sử dụng điện, đảm bảo việc triển khai các quy định được hiệu quả và khả thi.

Ý thức và hành vi sử dụng điện của người dân: Mặc dù công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn điện đã được đẩy mạnh, nhưng một bộ phận người dân vẫn chưa chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn điện. Hàng năm, trên địa bàn thành phố vẫn xảy ra các vụ tai nạn điện như cháy nổ, chập điện, lắp đặt không đúng kỹ thuật, vi phạm hành lang an toàn lưới điện... dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.

Việc xây dựng và ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện sẽ giảm thiểu tai nạn điện, bảo vệ tính mạng và tài sản người dân; nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng trong việc sử dụng điện an toàn; hoàn thiện pháp luật về điện lực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng; hỗ trợ phát triển bền vững của địa phương, đảm bảo sự ổn định và an toàn của hệ thống điện.

- Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện nhằm mục đích:

Bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, phòng ngừa cháy nổ do điện; Nâng cao ý thức, trách nhiệm và thói quen sử dụng điện an toàn, tiết kiệm; khuyến khích đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điện đúng chuẩn kỹ thuật.

Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực: Cụ thể hóa Luật Điện lực, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện và các văn bản pháp luật liên quan; tạo cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong sử dụng điện, đặc biệt là an toàn điện sau công tơ; xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sử dụng và quản lý điện.

Ngăn ngừa và xử lý vi phạm, sự cố điện: Hạn chế lắp đặt sai kỹ thuật, sử dụng thiết bị điện kém chất lượng; kiểm soát xây dựng, cải tạo công trình trong

hành lang an toàn lưới điện; đảm bảo hệ thống điện vận hành ổn định, an toàn cho cộng đồng.

Đảm bảo an ninh hệ thống điện và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương: Duy trì cung cấp điện ổn định, liên tục; bảo vệ lưới điện cao áp; góp phần bảo vệ môi trường và phát triển năng lượng bền vững.

Hoàn thiện pháp luật: Cập nhật, bổ sung các vấn đề thực tiễn, hướng tới xây dựng hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ, thống nhất; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tuyên truyền và thực thi pháp luật tại địa phương một cách hiệu quả.

Tóm lại, mục đích của Quyết định quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện là hướng tới một xã hội sử dụng điện an toàn, hiệu quả và bền vững, giảm thiểu rủi ro, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng về việc sử dụng điện an toàn tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 13 Điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực số 61/2024/QH15; điểm b khoản 5 Điều 51 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; các quy định pháp luật có liên quan.

Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước có thẩm quyền; các cơ quan, tổ chức; hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nguyên tắc chung (Điều 2)

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng điện phải tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn điện theo Điều 69 Luật Điện lực, Điều 17 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, cùng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan, nhằm bảo đảm an toàn cho người, tài sản và hệ thống điện trong quá trình sử dụng.

Việc thiết kế, lắp đặt, vận hành, sửa chữa và sử dụng hệ thống điện phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản, thiết bị và môi trường theo quy định

Điện năng phải được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, không làm quá tải hệ thống điện; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống điện để phát hiện, xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn.

Khi xảy ra sự cố hoặc phát hiện nguy cơ mất an toàn điện, người sử dụng phải ngừng ngay việc sử dụng điện tại khu vực nguy hiểm và thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý điện hoặc đơn vị chuyên môn để được hỗ trợ xử lý; không tự ý khắc phục các hư hỏng phức tạp khi không có đủ kiến thức, trang thiết bị hoặc biện pháp bảo hộ cần thiết.

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn điện trong phạm vi quản lý và sử dụng của mình. Trường hợp cho thuê, cho mượn hoặc giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng điện thì phải hướng dẫn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến an toàn điện và hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng điện theo đúng quy định.

- An toàn sử dụng điện trong sản xuất (Điều 3)

Hệ thống điện phục vụ sản xuất phải được thiết kế, lắp đặt và thi công bởi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật; dây dẫn điện phải phù hợp với công suất thiết bị tiêu thụ; thiết bị điện phải có nhãn mác, xuất xứ rõ ràng, còn thời hạn sử dụng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về an toàn điện và phù hợp với điều kiện môi trường làm việc.

Lắp đặt và vận hành hệ thống bảo vệ điện phải bảo đảm đầy đủ các thiết bị bảo vệ như cầu dao, aptomat, cầu chì, nối đất, chống sét, phù hợp với công suất và cấp điện áp của hệ thống điện; dây dẫn, cáp điện, tủ điện, ổ cắm, công tắc phải bảo đảm cách điện, chống ẩm, chống cháy và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

Tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn điện trong cơ sở sản xuất phải bố trí biển cảnh báo phù hợp, dễ nhận biết để người lao động và người ra vào khu vực kịp thời nhận diện và phòng tránh nguy hiểm.

Người lao động trực tiếp tham gia xây dựng, bảo trì, cải tạo, quản lý và vận hành hệ thống điện của đơn vị sản xuất phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật; được trang bị và sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động chuyên dụng khi thực hiện thao tác trên thiết bị điện; phải tuân thủ nghiêm các biển báo, tín hiệu cảnh báo và hướng dẫn về an toàn điện tại nơi làm việc.

Khi xảy ra sự cố điện như chập, cháy, rò điện hoặc tai nạn điện, người phát hiện phải ngắt ngay nguồn điện (nếu có thể) và báo cho người phụ trách kỹ thuật hoặc lãnh đạo đơn vị để xử lý; thực hiện sơ cứu người bị điện giật đúng quy trình; phối hợp với cơ quan y tế, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để xử lý kịp thời.

Đơn vị sản xuất căn cứ vào đặc thù của đơn vị có thể ban hành quy định hoặc hướng dẫn thực hiện các biện pháp cụ thể để đảm bảo an toàn trong sử dụng điện của đơn vị mình.

- An toàn sử dụng điện trong sinh hoạt (Điều 4)

Hệ thống điện sinh hoạt phải được thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo trì theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn an toàn điện và quy phạm trang bị điện hiện hành.

Thiết bị điện, dây dẫn, cầu dao, aptomat và các thiết bị khác phải bảo đảm tình trạng kỹ thuật tốt; có biện pháp bảo vệ chống quá tải, rò điện, chạm điện; được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định của pháp luật.

Khi sử dụng điện, phải thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa tai nạn điện như: Không chạm vào dây dẫn trần hoặc phần dẫn điện hở; không đặt thiết bị điện ở nơi ẩm ướt, gần nguồn nước hoặc dễ cháy nổ; sử dụng thiết bị bảo vệ điện (cầu dao, aptomat, thiết bị chống giật, chống rò điện) phù hợp với công suất và mục đích sử dụng.

Bảo đảm an toàn cho người và tài sản, ngăn ngừa nguy cơ cháy nổ, sự cố điện trong hộ gia đình và có biện pháp ứng phó, cắt điện khẩn cấp khi xảy ra sự cố.

An toàn sử dụng điện trong dịch vụ (Điều 5)

Hệ thống điện và thiết bị điện phải được thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo trì bởi tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, chuyên môn và chứng chỉ hành nghề theo quy định. Phải trang bị đầy đủ các thiết bị bảo vệ như aptomat, cầu dao, thiết bị chống rò điện (RCCB) và hệ thống nối đất an toàn.

Thực hiện kiểm tra định kỳ toàn bộ hệ thống điện, dây dẫn, công tắc, ổ cắm và thiết bị bảo vệ; kịp thời phát hiện, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị, vật tư điện hư hỏng, chập, rò điện nhằm phòng ngừa sự cố mất an toàn.

Không tự ý thay đổi, đấu nối hoặc lắp đặt thiết bị điện ngoài thiết kế, không sử dụng thiết bị điện vượt quá công suất cho phép; đối với khu vực ẩm ướt, phải trang bị thiết bị chống giật, chống thấm nước và bảo đảm cách điện theo quy chuẩn kỹ thuật.

Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy đối với thiết bị điện, bố trí phương tiện, dụng cụ chữa cháy phù hợp và thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động; Người trực tiếp xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật.

- An toàn sử dụng điện trong chiếu sáng công cộng (Điều 6)

Thiết kế, lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng cần sử dụng các loại bóng đèn tiết kiệm năng lượng (đèn LED, đèn năng lượng mặt trời), thiết bị cảm biến ánh sáng tự động, công nghệ điều khiển chiếu sáng thông minh và tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chiếu sáng công cộng, bảo đảm chất lượng, an toàn, mỹ quan đô thị và bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân sử dụng điện chiếu sáng phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao có dán nhãn tiết kiệm năng

lượng; thực hiện các quy định về bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cho cơ quan có thẩm quyền các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng có trách nhiệm bảo vệ nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng, đường dây, cột điện, tủ điện, hệ thống điều khiển và các thiết bị điện khác trên địa bàn quản lý. Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các trang thiết bị, bảo đảm hệ thống chiếu sáng vận hành ổn định; đạt hiệu quả chiếu sáng cao, tiết kiệm điện và an toàn cho người quản lý, vận hành và sử dụng.

Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng.

- Trách nhiệm của Sở Công Thương (Điều 7)
- Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố (Điều 8)
- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường (Điều 9)
- Trách nhiệm của Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ (Điều 10)
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 11)
- Hiệu lực thi hành (Điều 12)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 13).

12. Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

Căn cứ Quy định số 189/QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Chương trình số 57-CTr/TU ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn

Chợ truyền thống từ trước đến nay được coi là địa điểm mua bán ưa thích của người dân, gắn với nhiều nét đẹp văn hóa đặc sắc, ấn tượng của mỗi vùng miền, địa phương. Cùng với những thuận lợi, tại một số chợ, hoạt động khai thác, kinh doanh vẫn gặp phải những khó khăn, hạn chế nhất định, như: Công tác đầu tư, di chuyển chợ, chuyển đổi mô hình quản lý chợ; vệ sinh môi trường; việc chuyển đổi công năng đối với một số chợ hoạt động không hiệu quả; công tác xử lý, dẹp bỏ đối với các chợ tạm, chợ tự phát còn hạn chế; việc xử lý đối với các hộ kinh doanh sinh sống trong phạm vi chợ hay xây dựng văn minh thương mại chưa được quyết liệt; chưa phát huy được tính chủ động của địa phương trong việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ, chuyển đổi mô hình quản lý chợ... Trong xu hướng mới, nhiều hình thức kinh doanh hiện đại ra đời, như: Siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại; đặc biệt là sự bùng phát của kinh doanh online, hoạt động thương mại điện tử,... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của tiểu thương tại chợ truyền thống. Tuy nhiên, có

thể thấy chợ truyền thống vẫn là nơi trao đổi, mua bán hàng hóa của đông đảo người dân bởi thói quen mua sắm từ lâu đời. Nhận thức rõ vai trò của chợ truyền thống trong việc phân phối, bán lẻ hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân, thời gian qua, ngành chức năng, chính quyền địa phương tăng cường huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp chợ. Đồng thời, cần có quy định, chính sách kịp thời để khuyến khích loại hình chợ truyền thống không bị mai một mà tiếp tục duy trì và phát triển theo hướng văn minh hiện đại, bắt kịp thời đại công nghệ số, góp phần giúp chợ truyền thống nâng cao sức cạnh tranh, tránh nguy cơ tụt hậu trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế quản lý và phát triển chợ và trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến nay đã trên 10 năm, một số nội dung tại Quyết định các Quyết định không còn phù hợp với các quy định hiện hành của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật giá, ... cũng như tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP có một số nội dung mới, cụ thể:

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP chỉnh sửa khái niệm: *Chợ dân sinh là chợ mua bán, trao đổi hàng hóa do người dân sản xuất, nuôi trồng và kinh doanh hàng hóa thông dụng, phục vụ đời sống hàng ngày* (trước đây quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP chợ dân sinh là chợ hạng 3 do xã, phường quản lý).

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP bổ sung khái niệm: (i) Chợ đêm (khoản 11 Điều 3); điểm kinh doanh tự phát (khoản 9 Điều 3); chợ cộng đồng (khoản 12 Điều 3), (ii) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ (khoản 15. Điều 3); tài sản kết cấu hạ tầng chợ (khoản 16. Điều 3).

Về đầu tư xây dựng chợ: Quy định vốn Ngân sách nhà nước được sử dụng để hỗ trợ đầu tư xây dựng các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước. Việc hỗ trợ giải phóng mặt bằng từ Ngân sách nhà nước đối với chợ đầu mối theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định khác có liên quan. Quy định này cho phép địa phương chủ động cân đối nguồn vốn Ngân sách nhà nước để đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển chợ dân sinh, chợ đầu mối trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tiễn, tính cấp thiết, các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan thay vì quy định phân cấp hỗ trợ đầu tư (trung ương, địa phương) đến một số hạng, loại chợ cụ thể như trước đây.

Về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển chợ: không quy định cụ thể, chi tiết tên văn bản mà chỉ dẫn chiếu quy định chung. Khoản 6, Điều 6 Nghị định quy định: “*Dự án đầu tư chợ được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách tín dụng đầu tư của nhà nước, chính sách xã hội hóa đầu tư theo các quy định của pháp luật*”. Tùy thuộc vào nguồn vốn đầu tư, điều kiện sử dụng đất, dự

án đầu tư xây dựng chợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành tương ứng (*Quy định chung để phù hợp với pháp luật hiện hành về đầu tư, đầu tư công, đất đai, đấu thầu...*).

Lược bỏ quy định về quy hoạch phát triển chợ, thay bằng kế hoạch phát triển chợ để phù hợp với Luật Quy hoạch. Quy định một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển chợ.

Nghị định 60/2024/NĐ-CP bổ sung 01 chương quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Căn cứ khoản 5 Điều 10; khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 29; khoản 8 Điều 38 Nghị định 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến công tác phát triển và quản lý chợ, cần được quy định chi tiết để áp dụng chung trên địa bàn thành phố.

Từ những cơ sở trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”; đồng thời căn cứ khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền...*”. Do đó, việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về phát triển và quản lý chợ là phù hợp, cần thiết.

- Mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP, đồng thời cập nhật kịp thời các quy định về phát triển và quản lý hệ thống chợ trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 14 Điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Quy định về đầu tư xây dựng và quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

- Phân cấp quản lý chợ (Điều 2)

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung về quản lý đối với các chợ thuộc địa bàn quản lý, trừ chợ đầu mối theo quy định của pháp luật:

Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với các chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Chính sách huy động, khai thác các nguồn lực để phát triển chợ (Điều 3)

+ Các Sở, ban, ngành, địa phương căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển chợ đã được phê duyệt, lập danh mục các dự án chợ kêu gọi đầu tư và đề xuất áp dụng chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

+ Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách xã hội hóa đầu tư chợ theo quy định của pháp luật.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc rà soát, quản lý quỹ đất và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Phát triển chợ đêm, chợ cộng đồng, chợ có giá trị di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan kiến trúc (Điều 4)

- Nội quy chợ (Điều 5)

+ Nội quy mẫu về chợ theo Phụ lục kèm theo Quyết định này được áp dụng thống nhất làm căn cứ xây dựng nội quy chợ đối với tất cả các chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Tổ chức quản lý chợ có trách nhiệm ban hành nội quy chợ trên cơ sở Nội quy mẫu về chợ được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và niêm yết công khai, rõ ràng, ở nơi dễ nhìn, dễ quan sát trong phạm vi chợ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

- Quản lý, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ (Điều 6)

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong xóa bỏ điểm kinh doanh tự phát (Điều 7)

- Quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ (Điều 8)

- Thành lập Ban chuyển đổi mô hình quản lý chợ (Điều 9)

- Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ (Điều 10)

- Phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ (Điều 11)

- Lựa chọn và công nhận đơn vị quản lý, khai thác chợ (Điều 12)
- Hiệu lực thi hành (Điều 13)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 14).

13. Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 68 Luật Điện lực năm 2024.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 5 Điều 51 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

+ Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng

Việc ban hành Quyết định phù hợp với Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Cơ sở thực tiễn

Trước đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện việc bồi thường hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được quy định tại Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, theo đó *“mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không lớn hơn 70% giá trị phần nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn tương đương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành”* và được UBND tỉnh/thành phố Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng (cũ) ban hành trong quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Việc áp dụng quy định này tại địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực và được người dân đồng thuận.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện, theo đó tại điểm a Điều

13 quy định “*Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (UBND cấp tỉnh) căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định.*”

Nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân có nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp. Cụ thể, người dân được hỗ trợ cải tạo hoặc bồi thường phần diện tích bị ảnh hưởng, giúp duy trì chỗ ở và ổn định đời sống. Đồng thời, quy định này góp phần nâng cao sự đồng thuận giữa người dân và cơ quan quản lý, hạn chế xung đột trong quá trình triển khai các dự án. Nhờ đó, người dân ổn định đời sống và yên tâm sinh hoạt, trong khi cơ quan quản lý thuận lợi trong việc triển khai dự án và đảm bảo an toàn điện trên địa bàn. Sở Công Thương Sóc Trăng (cũ) đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Quy định này. UBND tỉnh/thành phố Cần Thơ, Hậu Giang (cũ) cập nhật, điều chỉnh trong quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Trong thời gian qua, việc áp dụng quy định này tại địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực và được người dân đồng thuận cao. Tuy nhiên, về mức hỗ trợ có sự chênh lệch giữa 03 địa phương trước sáp nhập, cụ thể: địa bàn Sóc Trăng (mức hỗ trợ 100%) có mức bồi thường, hỗ trợ cao hơn so với các địa phương như Hậu Giang (mức hỗ trợ 70%) và Cần Thơ (tùy từng dự án). Do đó, sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp cần thiết ban hành Quyết định áp dụng chung cho Thành phố Cần Thơ (mới) và mức hỗ trợ Sở Công Thương đề xuất áp dụng mức cao nhất (mức 100%) theo hướng có lợi nhất cho người dân bị ảnh hưởng, nâng cao sự đồng thuận giữa người dân và cơ quan quản lý, hạn chế xung đột trong quá trình triển khai các dự án.

Đồng thời, ngày 30 tháng 11 năm 2024 Quốc hội đã thông qua Luật Điện lực năm 2024 (thay thế Luật Điện lực năm 2004). Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 14/2014/NĐ-CP và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP). Do vậy, một số nội dung tại Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND không còn phù hợp. Sở Công Thương tỉnh Hậu Giang (cũ) cũng đã tham mưu UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (cũ), trong đó có quy định bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, tuy nhiên mức hỗ trợ (áp dụng 70%) thấp hơn mức hỗ trợ tại Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ) nên không phù hợp để áp dụng chung cho thành phố Cần Thơ (mới), cần thiết phải ban hành văn bản thay thế để làm cơ sở thực hiện.

Việc ban hành Quyết định thay thế là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của thành phố, vì:

Đảm bảo an toàn lưới điện cao áp, bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân và duy trì ổn định cung cấp điện.

Bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân có nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ.

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ, hạn chế khiếu nại, tranh chấp; góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tránh chậm trễ trong giải phóng mặt bằng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư.

Ngược lại, nếu chậm ban hành quy định sẽ dẫn đến:

Khó khăn trong giải phóng mặt bằng, mất an toàn lưới điện, gián đoạn cung cấp điện: Người dân không đồng thuận di dời, tiếp tục sinh hoạt trong hành lang an toàn, tiềm ẩn nguy cơ sự cố, cháy nổ; phát sinh xây dựng trái phép; chậm tiến độ các dự án điện, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

Giảm hiệu lực quản lý nhà nước: Thiếu cơ sở pháp lý để xử lý tranh chấp, khiếu nại của người dân; ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, làm doanh nghiệp e ngại triển khai dự án tại địa phương.

Từ những cơ sở trên, việc ban hành kịp thời Quy định theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP là yêu cầu cấp thiết, vừa đảm bảo quyền lợi người dân, vừa tạo cơ sở pháp lý cho công tác giải phóng mặt bằng, phục vụ phát triển bền vững hạ tầng điện lực thành phố Cần Thơ.

Trên cơ sở đó, Sở Công Thương kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định về quy định bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhằm sớm triển khai chính sách đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các công trình điện lực trên địa bàn thành phố.

- Mục đích ban hành

Quy định này được ban hành nhằm:

Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có nhà ở, công trình, đất đai bị ảnh hưởng bởi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không.

Tạo cơ sở pháp lý để các chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đúng quy định, thống nhất, minh bạch.

Góp phần bảo đảm an toàn trong vận hành lưới điện, phòng ngừa tai nạn điện, đồng thời giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 Điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không có điện áp đến 220 kV trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhưng có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

+ Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cùng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn và không phải thực hiện di dời ra khỏi hành lang của đường dây dẫn điện áp cao trên không đến cấp điện áp 220 kV trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Quy định mức bồi thường, hỗ trợ (Điều 2)

+ Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không được xây dựng trên đất đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường được xác định bằng 100% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn tương đương do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành tại thời điểm bồi thường.

+ Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thì chủ sở hữu được hỗ trợ 70% giá trị nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tương ứng với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, tính theo đơn giá quy định tại khoản 1 Điều này.

+ Ngoài mức bồi thường, hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt còn được hỗ trợ chi phí để cải tạo phần diện tích còn lại của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nhằm bảo đảm

điều kiện sử dụng, sinh hoạt theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hiệu lực thi hành (Điều 3)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 4).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 02 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- HĐND thành phố (để báo cáo);
- UBND thành phố (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- Trang Thông tin điện tử PBGDPL thành phố;
- Lưu: VT, P.PBTDTHPL&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đồng Việt Phương

